

保險權益 QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

境外生 SINH VIÊN QUỐC TẾ

來台灣前6個月

6 tháng **đầu** mới
đến Đài Loan

例如: 3月份入境
Vd: Nhập cảnh
Tháng 3

未取得健保卡
Không có thẻ cứng

來台取得居留證6個月後

6 tháng **sau** khi nhận được thẻ cư trú

9月份投保
Tháng 9
Vào bảo hiểm

已取得健保卡
Có thẻ cứng

保險權益

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

- 新生來台前六個月尚未符合全民健保資格者，因此學校協助學生參加「學生團體醫療保險」。

=>費用：每月 500 元台幣，共 6 個月 $\times$ 500 = 3,000 元台幣。

Sinh viên trong vòng 6 tháng đầu chưa đủ điều kiện tham gia bảo hiểm y tế, vậy nên nhà trường hỗ trợ sinh viên mua bảo hiểm bình an sinh viên quốc tế.

=> Chi phí: 500 đài tệ/ tháng. Tổng 6 tháng $\times$ 500 = 3,000 đài tệ.

-就醫時需要先自付 100% 醫療費用，但必須請醫師開立「診斷證明書」，之後將相關文件（就醫收據、診斷證明書、存摺影本）交給國際處負責的老師，由學校協助申請保險補助。

Khi đi khám bệnh cần phải trả trước 100% số tiền, xin bác sĩ cung cấp giấy chẩn đoán chứng minh thư (giấy xác nhận tình hình bệnh án) sau đó đem các giấy tờ như (hóa đơn khám bệnh, giấy xác nhận tình hình bệnh án, bản photo sổ ngân hàng) về nộp lại cho thầy cô phụ trách ở văn phòng Quốc tế để nhà trường giúp các bạn xin trợ cấp bảo hiểm).

-就醫費用若低於 1,000 元，保險將全額給付。

☞一般疾病，保險最高給付 1,000 元台幣。

☞若需動手術，則依比例給付。

Khám bệnh dưới 1,000 sẽ được bảo hiểm chi trả 100%, những bệnh thông thường nhiều nhất bảo hiểm chi trả 1,000 đài tệ. Nếu bị mổ thì sẽ tính theo tỷ lệ riêng.

🔔在此階段，學生 不會有健保卡。

Ở giai đoạn này sinh viên sẽ KHÔNG có thẻ bảo hiểm y tế.

保險權益

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

- 外際學生入境並取得居留證之日起算滿 6 個月後，必須參加全民健康保險。

Sinh viên quốc tế đến Đài Loan nhập học sau 6 tháng (tính từ ngày có thẻ cư trú) **BẮT BUỘC** phải tham gia bảo hiểm y tế của chính phủ Đài Loan.

☞ 費用：每月 826 元台幣。共 6 個月 * 826 元 = 4,956 元台幣。

=> Chi phí: 826 đài tệ/ tháng. Tổng 6 tháng x 826 = 4,956 đài tệ.

- 學校將依每學期代收健保費

Nhà trường sẽ tiến hành thu phí theo học kỳ :

- 健保卡的用途包括：

☞ 可在任何診所或醫院看病使用

☞ 可用健保卡申報個人所得稅

學生可以選擇由公司投保，也可以由學校代為投保。

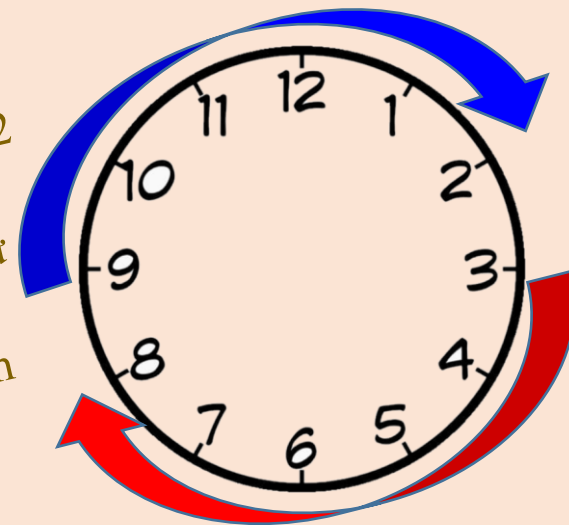
Thẻ Bảo hiểm có tác dụng khám chữa bệnh ở bất kì các phòng khám hay bệnh viện, có thể dùng thẻ bảo hiểm để khai báo thuế thu nhập cá nhân ... và các loại định danh khác.

Có thể lựa chọn công ty vào bảo hiểm cho em hoặc trường vào bảo hiểm cho em.

- 健保卡是非常非常重要的文件，因此不得借給他人使用。

Thẻ bảo hiểm là một trong những giấy tờ rất rất quan trọng vì thế **KHÔNG** được phép cho người khác mượn.

- 第一學期: 從9月份至隔年2月份
- Học kỳ 1: Từ tháng 9 – tháng 2 năm sau



- 第二學期: 從3月份至8月份
- Học kỳ 2: Từ tháng 3 – tháng 8

公告 THÔNG BÁO

公告 THÔNG BÁO

❌ 全民健康保險是強制性社會保險，提供外際學生在台灣平等的就醫權益

Chú ý: bảo hiểm y tế toàn dân là bảo hiểm xã hội bắt buộc, cung cấp cho sinh viên nước ngoài quyền lợi khám chữa bệnh bình đẳng tại Đài Loan.

★ 全民健康保險 Bảo hiểm y tế & 申請健保卡 Xin cấp thẻ bảo hiểm y tế

繳費方式 Cách thức nộp tiền:

1. 健保費將與學雜費一併繳納 Tiền BHYT sẽ gộp đồng thời cùng tiền học phí.
2. 若曾經來過台灣並已申請過健保卡的同學，需額外繳交 **200元** 申請新卡。Nếu bạn nào đã từng qua Đài Loan đã từng xin thẻ bảo hiểm cần nộp thêm **200元** để xin cấp lại thẻ mới.



1. 條件：依規定，在台灣就學期間，外際學生在取得合法居留證並在台灣居住滿 6 個月後，必須參加健保。

Điều kiện: Theo quy định trong thời gian học tập tại Đài Loan, sinh viên Quốc Tế sau khi đã có thẻ cư trú hợp pháp và cư trú tại Đài Loan đủ 6 tháng, bắt buộc phải tham gia Bảo hiểm Y tế (NHI).

2. 保險費用：每月 826 元（依健保署現行標準）

Phí bảo hiểm: **826元/tháng** (theo tiêu chuẩn hiện hành của cục bảo hiểm y tế).

全民健康保險 BẢO HIỂM Y TẾ

1. 依據台灣《全民健康保險法》規定，外際學生在台灣就學期間，若持有合法居留證並實際在台居住滿 6 個月（定義為：連續居住滿 6 個月，或中途出境一次但不超過 30 天，扣除出境天數後仍達 6 個月），必須依規定參加全民健康保險。

Theo quy định Luật Bảo hiểm Y tế Toàn dân của Đài Loan, trong thời gian du học tại Đài Loan, sinh viên nước ngoài nếu có thể cư trú hợp pháp và đã thực tế cư trú tại Đài Loan đủ 6 tháng (được định nghĩa là: hoặc cư trú liên tục đủ 6 tháng, hoặc có xuất cảnh một lần nhưng không quá 30 ngày, sau khi trừ số ngày xuất cảnh vẫn đủ 6 tháng), thì bắt buộc phải tham gia Bảo hiểm Y tế Toàn dân theo quy định.

2. 費用：每月 826 元台幣。共 6 個月 * 826 元 = 4,956 元台幣 Phí bảo hiểm: 826/ tháng (1 kì = 6 tháng * 826 = 4,956)

3. 健保費將與學雜費一併繳納 Tiền BHYT sẽ gộp đồng thời cùng tiền học phí

115-1 學雜費及健保費 收費標準

BẢNG CHI TIẾT HỌC PHÍ & BẢO HIỂM Y TẾ – HỌC KỲ 115-1

民生學院 VIỆN DÂN SINH			工程學院 VIỆN KỸ THUẬT		
餐飲系 Khoa Nhà hàng	觀光系 Khoa Du lịch	時尚系 Khoa Làm đẹp / Thời trang	電通系 Khoa Máy tính truyền thông	資訊工程系 Khoa Công nghệ thông tin	電機系 Khoa Điện cơ
 學費 Học phí		45,436 元	 學費 Học phí		52,069 元
 全民健保費 Bảo hiểm y tế		4,956 元	 全民健保費 Bảo hiểm y tế		4,956 元
 總計 Tổng cộng		50,392 元	 總計 Tổng cộng		57,025 元

4. 若學生每學期已在實習或兼職單位參加健保 → 將會退還在學校代收的健保費用。

Nếu sinh viên trong mỗi kỳ học có tham gia BHYT tại đơn vị thực tập hoặc làm thêm ☑ sẽ được HOÀN TRẢ LẠI chi phí BHYT đã đóng ở trường.

健保費退費流程 Các bước hướng dẫn xin **HOÀN** phí bảo hiểm y tế:

步驟 1：向公司申請開立「健保加保證明」Xin công ty cung cấp giấy tờ chứng minh [健保加保證明]。

步驟 2：至國際處填寫[加(退)健保申請單]並完成健保費退費申請手續。Xuong văn phòng quốc tế điền giấy xin hoàn phí [加(退)健保申請單]。

步驟 3：等待審核與退費：學校審核資料後，辦理健保費退還。Đợi nhà trường xét hồ sơ và hoàn trả phí.

QUY TRÌNH ĐÓNG BẢO HIỂM Ở TRƯỜNG

Theo quy định **Luật Bảo hiểm Y tế Toàn dân** của Đài Loan, trong thời gian du học tại Đài Loan, sinh viên nước ngoài nếu có **thẻ cư trú hợp pháp** và đã **thực tế cư trú tại Đài Loan đủ 6 tháng** (được định nghĩa là: hoặc cư trú liên tục đủ 6 tháng, hoặc có xuất cảnh một lần nhưng không quá 30 ngày, sau khi trừ số ngày xuất cảnh vẫn đủ 6 tháng), thì bắt buộc phải tham gia **Bảo hiểm Y tế Toàn dân** theo quy định.

Đầu kỳ học: Tiền BHYT sẽ được gộp vào tiền học phí

Trong kỳ học: Nếu đơn vị thực tập hoặc làm thêm có tham gia bảo hiểm cho sinh viên ☐ xuống văn phòng Quốc Tế viết đơn xin không tham gia BHYT tại trường

Trong kỳ học: Nếu sinh viên không còn làm ở công ty (đơn vị) vào bảo hiểm thì phải chủ động xuống văn phòng viết giấy xin chuyển bảo hiểm về trường đóng cho đến khi em tìm được đơn vị mới vào bảo hiểm cho em.

Cuối kỳ BẢO HIỂM: Nếu sinh viên trong kỳ học vừa rồi có tham gia BHYT tại đơn vị thực tập hoặc làm thêm ☐ sẽ được **HOÀN TRẢ LẠI** chi phí BHYT đã đóng ở trường.

全民健康保險 BẢO HIỂM Y TẾ

❌ 選擇加保單位 Lựa chọn đơn vị vào bảo hiểm



選項一 Lựa chọn
em. 公司 Công
ty

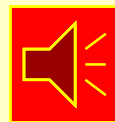
1: 在實習或兼職單位參加健保 Công ty làm thêm – thực tập vào bảo hiểm g

- 每個月公司會從薪資中扣除保險費用，並由公司補助部分保險費。 Hàng tháng công ty sẽ trừ phí bảo hiểm qua tiền lương và phí bảo hiểm sẽ được công ty hỗ trợ một phần chi phí.
- 公司通常 不會 代申請健保卡，學生必須親自前往衛生局申請辦理健保卡。 Công ty thường sẽ **KHÔNG** xin thẻ bảo hiểm cho các em, các em phải đi trực tiếp qua cục y tế để xin cấp thẻ.



選項二 Lựa chọn 2: 在學校加保 Nhà trường vào bảo hiểm giúp em.
學校
Trường

- 健保費需依學期繳交，每學期為六個月。Phí bảo hiểm y tế sẽ phải đóng theo học kỳ là 6 tháng 1 lần.
- 學校會協助申請健保卡，並直接發給學生。Trường giúp đỡ xin cấp thẻ bảo hiểm và phát trực tiếp cho học sinh.



全民健康保險是強制性社會保險，因此學生需要再次確認實習或兼職公司是否有在投保；若是沒有的話，就必須在學校投保。 Đây là bảo hiểm bắt buộc vậy nên sinh viên cần xác nhận lại với công ty làm thêm hoặc thực tập có đóng bảo hiểm Y TẾ cho mình hay không, nếu không thì bắt buộc phải đóng ở trường.

就醫 KHÁM CHỮA BỆNH

判斷症狀 PHÁN ĐOÁN TÌNH TRẠNG BỆNH

1

- 1.1: 自己了解：了解身體上的症狀，以判斷可能的疾病 Tự tìm hiểu: tìm hiểu thông tin về những triệu chứng trên cơ thể để phán đoán khả năng mắc bệnh
- 1.2: 通知在台的家人或向負責的老師尋求幫助 Thông báo cho người thân ở Đài hoặc thầy cô phụ trách xin hỗ trợ.

至國際處填寫看病資料 Xuống văn phòng quốc tế điền thông tin xin hỗ trợ

3

- 3.1: 掃QR code填寫資料 quét mã QR điền thông tin
- 3.2: 說明清楚症狀 Nói rõ hơn về tình trạng bệnh.

Kết thúc 結束

5

- 5.1: 若無健保卡,需向醫生開立診斷證明書 nếu không có thẻ bảo hiểm, cần xin giấy xác nhận tình trạng bệnh án
- 5.2: 注意回診時間(若有) Chú ý lịch tái khám nếu có



2

看診需準備之資料 CHUẨN BỊ CÁC GIẤY TỜ CẦN THIẾT

- 2.1: 居留證 (若剛來台未領到居留證可使用護照代替) Thẻ cư trú (Nếu trong thời gian chưa nhận được thẻ cư trú, có thể dùng hộ chiếu thay thế)
- 2.2: 健保卡(若有) Thẻ bảo hiểm (nếu có)



- 2.3: 藥物 (若已使用過自己準備之藥物, 但狀況不消) Nếu đã phán đoán bệnh và sử dụng thuốc tự chuẩn bị nhưng không đỡ, nên đưa theo THUỐC để bác sĩ kiểm tra.

4

看診流程 Quy trình khám bệnh

- 4.1: 掛號:現場、電話或網路 Bốc số: Tại quầy, điện thoại đặt lịch hoặc trên web.
- 4.2: 櫃檯報到,若已掛號 Đến quầy làm thủ tục nếu đã bốc số trước.
- 4.3: 看診 Gặp bác sĩ
- 4.4: 批價領藥 Thanh toán, lấy thuốc.



急難救助

HỖ TRỢ KHẨN CẤP

臺北城市科技大學國際交流中心關心您！

(02)2892-7154 #5901、5902

碰到困難時，要怎麼辦？

Khi gặp vấn đề khó khăn, cần phải làm sao?

- 跟同學聊聊 Nói chuyện với bạn bè
- 跟導師聊聊 Nói chuyện với GVCN
- 跟輔導老師聊聊 Nói chuyện với giáo viên phụ đạo

⇒ 找對的人分享自己遇到的事情。

Tìm đúng người phù hợp để chia sẻ

- ✓ 尋找好方向 Tìm đúng phương hướng
- ✓ 參考別人的意見 Tham khảo ý kiến
- ✓ 聽聽別人的經驗 Nghe kinh nghiệm của người đi trước



緊急狀況如何處理？

- 臺北城市科技大學 校安中心 (02) 2896 5466
- 國際事務處 (02)2982 7154 #5901、5902、5905、5906
- 警察：110



「臺北城市科技大學緊急慰助金實施辦法」

QUỸ HỖ TRỢ KHẨN CẤP

Của trường Đại học Khoa Học và Công nghệ thành phố Đài Bắc

目的

為實際幫助遭遇急難、意外災害、困厄學生，助其度過難關，安心就學；以安定校園，提高學生對本校之向心力，特設本項慰助金。
Nhằm hỗ trợ cho những sinh viên gặp khó khăn đột xuất, thiên tai, tai nạn và có cố gắng trong học tập vượt qua thử thách và yên tâm học tập; đồng thời nâng cao tinh thần hiếu học và giúp học sinh có thêm động lực, đặc biệt thành lập Quỹ Hỗ trợ này.

申請資格與補助
範圍 Điều kiện và
phạm vi hỗ trợ

在校學生如果因下列情況導致家庭經濟困難，可以申請 Trong thời gian học tập tại trường, nếu sinh viên gặp các trường hợp sau, có thể nộp hồ sơ xin hỗ trợ, tiêu chuẩn như sau:

1.死亡補助：學生本人或父母去世，可申請 **15,000 元**。

Sinh viên hoặc cha mẹ qua đời → được hỗ trợ **15.000 TWD**.

2.重大疾病或意外傷害補助：學生本人或父母因重病或重大意外需住院 **連續 7 天以上**，可申請 **6,000 元**。

Sinh viên hoặc cha mẹ mắc bệnh nặng hoặc tai nạn nghiêm trọng phải nhập viện (liên tục từ 7 ngày trở lên) → được hỗ trợ **6.000 TWD**.

3.災害補助：學生家庭因天災或不可抗力（如水災、火災、地震等）導致經濟困難，可申請 **6,000 元**。

Gia đình sinh viên gặp thiên tai hoặc sự kiện bất khả kháng dẫn đến khó khăn kinh tế → được hỗ trợ 6.000 TWD.



臺北城市科技大學緊急慰助金實施辦法

Đại học Khoa học và Công nghệ thành phố Đài Bắc

Các biện pháp thực hiện Quỹ Trợ Cấp Khẩn cấp

93.02.25 92 學年度第 2 學期獎助學金委員會修訂
94.02.21 93 學年度第 2 學期獎助學金委員會修訂
96.10.25 96 學年度第 1 學期獎助學金委員會修訂
96.11.01 96 學年度第 1 學期獎助學金委員會修訂
99.11.17 99 學年度第 1 學期第 2 次獎助學金委員會通過
101.08.28 101 學年度第 1 學期第 1 次獎助學金委員會通過
93.02.25 Sửa đổi bởi Ủy ban Học bổng, Học kỳ 2, Năm học 92
94.02.21 Sửa đổi bởi Ủy ban Học bổng, Học kỳ 2, Năm học 93
96.10.25 Sửa đổi bởi Ủy ban Học bổng, Học kỳ 1, Năm học 96
96.11.01 Sửa đổi bởi Ủy ban Học bổng, Học kỳ 1, Năm học 96
99.11.17 Được thông qua tại cuộc họp thứ hai của Ủy ban Học bổng, Học kỳ 1, Năm học 99
101.08.28 Được thông qua tại cuộc họp thứ nhất của Ủy ban Học bổng, Học kỳ 1, Năm học 101

第 1 條 （依據）

依據本校臺北城市科技大學學生就學獎補助辦法，訂定「臺北城市科技大學緊急慰助金實施辦法」（以下簡稱緊急慰助金）。

Điều 1 (Dựa trên)

Theo phương thức trợ cấp học bổng cho sinh viên Đại học Khoa học và Công nghệ Thành phố Đài Bắc, "Các biện pháp thực hiện Quỹ Trợ cấp Khẩn cấp của Đại học Khoa học và Công nghệ Thành phố Đài Bắc" (sau đây gọi là Quỹ Trợ cấp Khẩn cấp) đã được lập nên.

第 2 條 （目的）

為實際幫助遭遇急難、意外災害、困厄學生，助其度過難關，安心就學；以安定校園，提高學生對本校之向心力，特設本項慰助金。

Điều 2 (Mục đích)

Nhằm thực sự giúp đỡ các sinh viên gặp trường hợp khẩn cấp, tai nạn, khó khăn, giúp các em vượt qua khó khăn, yên tâm đến trường; nhằm ổn định và nâng cao tinh thần hướng về nhà trường của sinh viên, đặc biệt thiết lập nên quỹ trợ cấp này.

第 3 條 （經費來源）

由本校每學年提撥學雜費 3%以上學生就學獎補助金預算中編列緊急慰助金項下支應。

Điều 3 (Nguồn kinh phí)

Quỹ trợ cấp khẩn cấp sẽ được lấy trong ngân sách học bổng và hỗ trợ sinh viên từ việc trích hơn 3% học phí hàng năm.

第 4 條 （申請資格及補助範圍）本校各學制學生在校期間，如有下列事項，致家庭經濟發生困難者，得申請補助，其標準如下：

- 一、學生本人或父母因故死亡，得申請緊急慰助金壹萬伍仟元整。
- 二、學生本人或父母因重病或重大意外事故傷害就醫者(住院需連續滿 7 天)以上得申請緊急慰助金陸仟元整。
- 三、學生因家庭遭受天然災害或不可抗力事件等使家庭經濟發生困難者，得申請緊急慰助金陸仟元整。

Điều 4 (Điều kiện đăng ký và phạm vi trợ cấp) Sinh viên tại trường có thể nộp đơn xin trợ cấp nếu gặp phải những vấn đề gây khó khăn cho tài chính gia đình sau đây:

- a Trong trường hợp sinh viên hoặc cha mẹ sinh viên qua đời vì bất kỳ nguyên nhân nào, có thể nộp đơn xin quỹ trợ cấp khẩn cấp 150.000 NTD.
- b Sinh viên hoặc cha mẹ của sinh viên phải điều trị y tế do bệnh nặng hoặc chấn thương nặng do tai nạn (phải nằm viện hơn 7 ngày liên tục) có thể xin trợ cấp khẩn cấp 6.000 NTD.
- c Những sinh viên gặp khó khăn về tài chính do thiên tai, sự kiện bất khả kháng dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn có thể xin trợ cấp 6.000 NTD.

第 5 條 （申請需備文件）

凡符合第四條所訂慰助條件者，請至學務處申請，並繳申請表、學生証影本、全戶戶籍謄本、撥款指定帳戶影本、相關證明文件（如住院證明或水災、風災、火災、地震損害證明等）各乙份。

Điều 5 (Khi đăng ký cần chuẩn bị các tài liệu sau)

Những sinh viên đáp ứng được các điều kiện có thể xin trợ cấp nêu tại Điều 4, vui lòng nộp hồ sơ đến Phòng Giáo vụ, hồ sơ bao gồm, đơn xin trợ cấp, bản photo thẻ sinh viên, hộ khẩu gia đình, bản photo tài khoản ngân hàng để xin trợ cấp, các tài liệu chứng minh (như giấy chứng nhận nằm viện hoặc giấy chứng nhận thiệt hại do lũ lụt, bão, hỏa hoạn, động đất, v.v.) mỗi loại một bản.

第 6 條 （限制）

同一事由以家庭為單位，每人每學年限申請一次。

Điều 6 (Hạn chế)

Mỗi 1 năm học, cùng 1 vấn đề, lấy gia đình là đơn vị chỉ có thể xin trợ cấp 1 lần.

第 7 條 （申請程序）

凡申請緊急慰助金者，經導師證明屬實，由學務處受理審核，依行政程序簽核後撥入同學指定帳戶。

Điều 7 (Thủ tục đăng ký)

Đơn xin trợ cấp khẩn cấp sau khi được giáo viên hướng dẫn xác nhận đúng với sự thật, Phòng Giáo vụ sẽ nhận đơn và xem xét, khoản trợ cấp sẽ được gửi vào tài khoản được chỉ định của sinh viên sau khi được xử lý theo thủ tục hành chính liên quan.

第 8 條 本辦法經獎助學金委員會審議通過後，陳請校長公佈實施；修正時亦同。

Điều 8 Sau khi các biện pháp này đã được Ủy ban Học bổng xem xét và thông qua, mời hiệu trưởng thông báo và thực hiện các biện pháp liên quan; các sửa đổi cũng áp dụng tương tự.